TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ MỎ VÀ CÔNG NGHIỆP-VINACOMIN

Số: 492/TCKT-VIMCC
V/v: Công bố thông tin

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 10 tháng 7 năm 2019

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Kính gửi : - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên Công ty: Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư mỏ và công nghiệp – Vinacomin

2. Mã chứng khoán: TVM

3. Địa chỉ trụ sở chính: Số 565 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

4. Điện thoại: Điện thoại: (04)38544252 Fax: (04) 38543164

5. Người thực hiện công bố thông tin: Ông Phùng Đức Trưởng – Kế toán trưởng

6. Nội dung thông tin công bố: Hợp đồng Kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019

7. Nội dung chi tiết được đăng tải trên Website của Công ty tại địa chỉ:

http://vimcc.vn/

8. Công ty xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng!

NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT
KẾ TOÁN TRƯỞNG

Phùng Đức Trưởng

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

___o0o___

Số: 100719.003 /HĐTC.KT3 Ngày 10 tháng 07 năm 2019

HỢP ĐỒNG KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Về việc Kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Mỏ và Công nghiệp - Vinacomin)

- Căn cứ vào Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015;
- Căn cứ vào Luật Thương mại số 36/2005/QH11 đã được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14 tháng 06 năm 2005;
- Căn cứ vào Luật Kiểm toán độc lập số 67/2011/QH12 đã được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XII, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 29 tháng 03 năm 2011;
- Căn cứ Nghị định 17/2012/NĐ - CP ngày 13/3/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật kiểm toán độc lập;
- Căn cứ Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 210 về Hợp đồng kiểm toán;
- Căn cứ Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 600 Lưu ý khi kiểm toán Báo cáo tài chính Tập đoàn (kể cả công việc của Kiểm toán viên đơn vị thành viên);
- Căn cứ vào yêu cầu của Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Mỏ và Công nghiệp - Vinacomin và khả năng đáp ứng của Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

Hợp đồng này được lập bởi và giữa các bên:

BÊN A: **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ MỎ VÀ CÔNG NGHIỆP - VINACOMIN**

Người đại diện	:	**Lê Văn Duẩn**
Chức vụ	:	Giám đốc
Địa chỉ	:	565 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội
Số điện thoại	:	024 38544252 Số fax: 024 38543164
Mã số thuế	:	0500237543

BÊN B: **CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN AASC**

Người đại diện	:	**Nguyễn Thanh Tùng**
Chức vụ	:	Tổng Giám đốc
Địa chỉ	:	01 Lê Phụng Hiểu, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Số điện thoại	:	024 3 8241 990 Số fax: 024 3 8253 973
Tài khoản số	:	VND 030.100.968.9689
Tại Ngân hàng	:	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Hoàn Kiếm
Mã số thuế	:	01 00 1111 05

Sau khi thỏa thuận, hai bên nhất trí ký kết hợp đồng kinh tế với các điều khoản sau:

ĐIỀU I : NỘI DUNG DỊCH VỤ

Bên B sẽ cung cấp cho Bên A các dịch vụ sau:

1. Dịch vụ kiểm toán Báo cáo tài chính (riêng và hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019. Dịch vụ kiểm toán được thực hiện với mục tiêu đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính của Bên A.

Các Báo cáo tài chính được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu (nếu có), Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày.

2. Thực hiện kiểm tra và xác nhận số liệu trong các báo cáo phục vụ cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019 của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam, bao gồm nhưng không giới hạn các báo cáo sau:
   - Bảng kê vật tư, hàng hoá, than, dịch vụ bán trong nội bộ Tập đoàn;
   - Bảng kê vật tư, hàng hoá, than, dịch vụ mua trong nội bộ Tập đoàn;
   - Bảng kê các khoản phải thu, phải trả trong nội bộ Tập đoàn;
   - Bảng kê chi tiết TSCĐ bán trong nội bộ Tập đoàn;
   - Bảng kê chi tiết tài sản mua trong nội bộ Tập đoàn để hình thành TSCĐ tại đơn vị năm báo cáo;
   - Bảng kê chi tiết tài sản mua trong nội bộ Tập đoàn để hình thành TSCĐ tại đơn vị các năm trước còn lại đến năm báo cáo;
   - Bảng kê vốn chủ sở hữu tại các công ty con là công ty cổ phần;
   - Bảng kê phần vốn đầu tư vào các công ty liên danh liên kết;
3. Thực hiện kiểm tra các thông tin và số liệu trình bày trên các phụ biểu thuyết minh BCTC sau kiểm toán lập theo quy định của TKV (mẫu báo cáo ban hành kèm theo Quyết định số 56/QĐ-TKV ngày 16/01/2017).
4. Xác nhận số liệu báo cáo năm 2019 của hệ thống báo cáo quản trị lập theo quy định của TKV (mẫu báo cáo ban hành kèm theo Quyết định số 56/QĐ-TKV ngày 16/01/2017).

Cuộc kiểm toán được thực hiện tại Văn phòng Công ty và các chi nhánh:

- Xí nghiệp Thương mại và Chuyển giao Công nghệ;
- Xí nghiệp thiết kế than Hòn Gai;
- Xí nghiệp dịch vụ Tổng hợp và Xây dựng.

<u>ĐIỀU II:</u> TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

2.1. Trách nhiệm của Bên A:

Cuộc kiểm toán của Bên B sẽ được thực hiện trên cơ sở Ban Giám đốc và Ban quản trị của bên A (trong phạm vi phù hợp) hiểu và thừa nhận có trách nhiệm:

2.1.1. Đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính được áp dụng;

2.1.2. Đối với kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;

2.1.3. Đảm bảo cung cấp kịp thời cho bên B:

a. Quyền tiếp cận với tất cả tài liệu, thông tin mà Ban Giám đốc nhận thấy là có liên quan đến quá trình lập và trình bày báo cáo tài chính như chứng từ kế toán, sổ kế toán, tài liệu và các vấn đề khác, kể cả thông tin của đơn vị thành viên, bao gồm các tài liệu, hồ sơ kiểm toán có liên quan mà bên B yêu cầu);

b. Các thông tin bổ sung mà kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán yêu cầu Ban Giám đốc cung cấp hoặc giải trình để phục vụ cho mục đích của cuộc kiểm toán;

c. Quyền tiếp cận không hạn chế đối với nhân sự của bên A mà kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán xác định là cần thiết để thu thập bằng chứng kiểm toán. Bố trí nhân sự liên quan cùng làm việc với bên B trong quá trình kiểm toán.

d. Quyền tiếp cận, trao đổi thông tin không hạn chế đối với các kiểm toán viên đơn vị thành viên. Bên B được phép thực hiện hoặc yêu cầu kiểm toán viên đơn vị thành viên thực hiện kiểm toán thông tin tài chính hoặc báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên.

Ban Giám đốc hoặc/và Ban quản trị của bên A (*nếu phù hợp*) có trách nhiệm cung cấp cho bên B văn bản giải trình về các thông tin đã cung cấp cho bên B trong quá trình kiểm toán thông qua "Thư giải trình của Ban Giám đốc/Ban quản trị". Đây là một trong những yêu cầu của chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, trong đó nêu rõ trách nhiệm của Ban Giám đốc bên A trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính và khẳng định rằng ảnh hưởng của từng sai sót, cũng như tổng hợp các sai sót không được điều chỉnh do bên B phát hiện và tổng hợp trong quá trình kiểm toán cho kỳ hiện tại và các sai sót liên quan đến các kỳ trước là không trọng yếu đối với tổng thể báo cáo tài chính được kiểm toán.

Cung cấp cho Bên B Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 chậm nhất là ngày 05/02/2020 đối với Báo cáo tài chính của các chi nhánh, chậm nhất là ngày 10/02/2020 đối với Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tạo điều kiện thuận tiện cho các nhân viên của bên B trong quá trình làm việc tại Văn phòng của bên A.

Thanh toán đầy đủ phí dịch vụ kiểm toán và các phí khác (nếu có) cho bên B theo quy định tại Điều 4 của hợp đồng này.

2.2. Trách nhiệm của Bên B:

Trách nhiệm của bên B với công việc kiểm toán:

Bên B sẽ thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, pháp luật và các quy định có liên quan. Các chuẩn mực kiểm toán này quy định bên B phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính, xét trên phương diện tổng thể, có còn sai sót trọng yếu hay không. Trong cuộc kiểm toán, bên B sẽ thực hiện các thủ tục để thu thập bằng chứng kiểm toán về số liệu và thông tin trình bày trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được thực hiện tùy thuộc vào đánh giá của kiểm toán viên, bao gồm việc đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc do nhầm lẫn. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá sự phù hợp của các chính sách kế toán đã được sử dụng và các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính.

Do những hạn chế vốn có của kiểm toán cũng như của kiểm soát nội bộ, có rủi ro khó tránh khỏi là kiểm toán viên có thể không phát hiện được các sai sót trọng yếu, mặc dù cuộc kiểm toán đã được lập kế hoạch và thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam.

Bên B có trách nhiệm thông báo cho bên A về nội dung và kế hoạch kiểm toán, cử kiểm toán viên và các trợ lý có năng lực và kinh nghiệm thực hiện kiểm toán.

Bên B thực hiện công việc kiểm toán theo nguyên tắc độc lập, khách quan và bảo mật số liệu. Theo đó bên B không được quyền tiết lộ cho bất kỳ một bên thứ ba nào mà không có sự đồng ý của bên A, ngoại trừ theo yêu cầu của pháp luật và các quy định có liên quan, hoặc trong trường hợp những thông tin như trên đã được các cơ quan quản lý Nhà nước phổ biến rộng rãi hoặc đã được bên A công bố.

Bên B có trách nhiệm yêu cầu bên A xác nhận bằng văn bản các giải trình đã cung cấp cho bên B trong quá trình thực hiện kiểm toán. Theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, thì việc đáp ứng các yêu cầu này và Thư giải trình của Ban Giám đốc và Ban quản trị bên A về những vấn đề liên quan là một trong những cơ sở để bên B đưa ra ý kiến của mình về báo cáo tài chính của bên A.

Để đánh giá rủi ro, bên B sẽ xem xét kiểm soát nội bộ mà bên A sử dụng trong quá trình lập báo cáo tài chính để thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp trong từng trường hợp, nhưng không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu của kiểm soát nội bộ của bên A. Tuy nhiên, bên B sẽ thông báo tới bên A bằng văn bản về những khiếm khuyết trọng yếu trong kiểm soát nội bộ mà bên B phát hiện được trong quá trình kiểm toán Báo cáo tài chính.

ĐIỀU III: BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Báo cáo kiểm toán:

Sau khi kết thúc kiểm toán, bên B sẽ cung cấp cho bên A:

- 08 bộ Báo cáo kiểm toán kèm theo báo cáo tài chính (riêng và hợp nhất) đã được kiểm toán bằng tiếng Việt, bên A giữ 06 bộ mỗi loại, bên B giữ 02 bộ mỗi loại;
- 04 Biên bản ghi nhớ kết quả kiểm toán của từng chi nhánh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019, bên A giữ 03 bản, bên B giữ 01 bản.
- 08 bộ Thư quản lý bằng tiếng Việt đề cập đến các thiếu sót cần khắc phục và các đề xuất của kiểm toán viên nhằm hoàn thiện hệ thống kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ của bên A, bên A giữ 06 bộ, bên B giữ 02 bộ.

Báo cáo kiểm toán sẽ được lập bằng văn bản, gồm các nội dung theo quy định của Luật kiểm toán độc lập, Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 700, các chuẩn mực kiểm toán và quy định pháp lý khác có liên quan.

Thời gian hoàn thành, phát hành Báo cáo kiểm toán chậm nhất là ngày 25/02/2020.

Công bố báo cáo kiểm toán và báo cáo tài chính đã được kiểm toán:

Trong trường hợp Bên A dự định phát hành báo cáo kiểm toán của Bên B dưới bất kỳ dạng tài liệu nào, hoặc phát hành các tài liệu có các thông tin về báo cáo tài chính đã kiểm toán, Bên A cam kết sẽ đính kèm báo cáo kiểm toán với các tài liệu đó và chỉ phổ biến rộng rãi các tài liệu này sau khi có sự đồng ý của Bên B bằng văn bản.

ĐIỀU IV: PHÍ DỊCH VỤ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

Phí dịch vụ:

Tổng phí dịch vụ của Bên B cho các dịch vụ nêu tại Điều I của hợp đồng được xác định như sau:

Phí dịch vụ	110.000.000 đồng
VAT (10%)	11.000.000 đồng
Tổng cộng	**121.000.000 đồng**

(Bằng chữ: Một trăm hai mươi mốt triệu đồng).

Phí dịch vụ đã bao gồm chi phí đi lại, ăn ở và phụ phí khác.

Phương thức thanh toán:

- Lần 1: Bên A tạm ứng cho Bên B 30% giá trị hợp đồng ngay khi hai Bên ký kết hợp đồng này.
- Lần 2: Bên A tạm ứng cho bên B 30% giá trị hợp đồng ngay khi bên B bắt đầu triển khai công tác kiểm toán Báo cáo tài chính cuối năm.
- Lần 3: Bên A thanh toán cho bên B 40% giá trị hợp đồng còn lại khi bên A nhận được báo cáo kiểm toán chính thức, hoá đơn tài chính và giấy đề nghị thanh toán.

Phí dịch vụ được thanh toán bằng đồng Việt Nam và bằng hình thức chuyển khoản.

Bên B sẽ phát hành hóa đơn GTGT cho bên A khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ, phù hợp với quy định của pháp luật thuế hiện hành.

ĐIỀU V: CAM KẾT THỰC HIỆN

Hai bên cam kết thực hiện tất cả các điều khoản đã ghi trong hợp đồng. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, hai bên phải kịp thời thông báo cho nhau để cùng tìm phương án giải quyết. Mọi thay đổi phải được thông báo trực tiếp cho mỗi bên bằng văn bản (hoặc qua email) theo địa chỉ trên đây.

Mọi tranh chấp hoặc khiếu kiện phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng sẽ được giải quyết bằng thương lượng hoặc theo Bộ luật dân sự nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và tại tòa án kinh tế do hai bên lựa chọn.

<u>ĐIỀU VI:</u> HIỆU LỰC, NGÔN NGỮ VÀ THỜI HẠN HỢP ĐỒNG

Hợp đồng này được lập thành 04 bản tiếng Việt, mỗi bên giữ 02 bản, có giá trị như nhau và có hiệu lực kể từ ngày có đủ chữ ký, con dấu của cả hai bên.

Hợp đồng này tự động được thanh lý sau khi bên A và bên B đã hoàn thành trách nhiệm của mỗi bên.

Đại diện bên A	**Đại diện bên B**
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ MỎ VÀ CÔNG NGHIỆP - VINACOMIN	**CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN AASC**
GIÁM ĐỐC	**TỔNG GIÁM ĐỐC**
Lê Văn Duẩn	**Nguyễn Thanh Tùng**

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ MỎ VÀ CÔNG NGHIỆP - VINACOMIN

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ MỎ VÀ CÔNG NGHIỆP - VINACOMIN
DN: c=VN, st=HÀ NỘI, l=Thanh Xuân, cn=CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ MỎ VÀ CÔNG NGHIỆP - VINACOMIN, 0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0500237543
Date: 2019.07.10 15:11:12 +07'00'